

Số: 121/2024/QĐST-HNGĐ

Ninh Hòa, ngày 19 tháng 4 năm 2024

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN
VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ hồ sơ vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số 166/TLST-HNGĐ ngày 20 tháng 3 năm 2024, giữa:

- Nguyên đơn: Bà **Mai Hoàng Tuyết S** - sinh năm 1997

Địa chỉ: **Tổ dân phố H, phường T, thị xã N, tỉnh Khánh Hòa.**

- Bị đơn: Ông **Lê Hùng N** - sinh năm 1993

Địa chỉ: **Tổ dân phố B, phường T, thị xã N, tỉnh Khánh Hòa.**

Căn cứ vào Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ các Điều 55, 81, 82, 83 và 84 của Luật hôn nhân và gia đình;

Căn cứ vào biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành ngày 10 tháng 04 năm 2024.

XÉT THẤY:

Việc thuận tình ly hôn và thỏa thuận của các đương sự được ghi trong biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành ngày 10 tháng 04 năm 2024 là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 7 ngày kể từ ngày lập biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa bà Mai Hoàng Tuyết S và ông Lê Hùng N.

2. Công nhận sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

- Về quan hệ hôn nhân: Bà Mai Hoàng Tuyết S và ông Lê Hùng N thuận tình ly hôn.

- Về con chung: Bà Mai Hoàng Tuyết S trực tiếp trông nom, chăm sóc, giáo dục, nuôi dưỡng con chung là Lê Thành P – sinh ngày 28/12/2017. Ông Lê Hùng N có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung mỗi tháng 3.000.000đ (Ba triệu đồng). Thời gian cấp dưỡng bắt đầu từ tháng 5/2024 cho đến khi con chung đủ 18 tuổi.

Ông N có quyền, nghĩa vụ thăm nom, chăm sóc con chung không ai được cản trở.

Trong quá trình nuôi dưỡng con chung, nếu xét thấy cần thiết bà S, ông N đều có quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con chung cũng như việc cấp dưỡng nuôi con chung.

- Về tài sản chung: Bà Mai Hoàng Tuyết S và ông Lê Hùng N xác định không có.

- Về án phí: Bà Mai Hoàng Tuyết S và ông Lê Hùng N mỗi người nộp 75.000đ (*Bảy mươi lăm nghìn đồng*) án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm, ông N còn phải nộp 150.000đ (*Một trăm năm mươi nghìn đồng*) án phí dân sự sơ thẩm đối với người có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung (trong đó bà S tự nguyện nộp thay 75.000đ án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm và 150.000đ án phí dân sự sơ thẩm đối với người có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung của ông N) **nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm là 300.000đ (*Ba trăm nghìn đồng*)** mà bà S đã nộp tại chi cục Thi hành án dân sự thị xã N theo biên lai thu tiền số 0005609 ngày 19 tháng 3 năm 2024. Bà S đã nộp đủ án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm.

Kể từ ngày bên được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án, nếu bên phải thi hành án không thi hành khoản tiền phải thi hành án thì hàng tháng còn phải chịu thêm một khoản tiền lãi theo lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015 tương ứng với thời gian và số tiền chậm thi hành án tại thời điểm thanh toán.

Trường hợp quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Khánh Hòa;
- VKSND thị xã Ninh Hòa;
- Chi cục THADS thị xã N;
- UBND phường T, thị xã N;
- (Giấy CNKH số 15/2017, ngày 20/3/2017);
- Đường sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

THẨM PHÁN

Đặng Thị Ái Vy